

Xuân Lộc, ngày 01 tháng 05 năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT DỰ KIẾN

Về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản bị ảnh hưởng bởi Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng Nâng cấp, mở rộng tuyến đường DT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành đoạn qua xã Xuân Hoà

Họ và tên người sử dụng đất:                      Hộ Trần Kim Thành

Số định danh cá nhân/  
Căn cước công dân:                                      068062004256

Địa chỉ:                                                              Tổ 2, ấp Xuân Tâm 6, xã Xuân Hoà, Tp. Đồng Nai

Số điện thoại:                                                      0393700063

Vị trí đất thu hồi:                                      Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp Trường Mầm non ấp 6 đến Hết chùa Quảng Long

Diện tích thu hồi:                                                      223,10    m<sup>2</sup>

Loại đất thu hồi:                                                      đất trồng cây lâu năm

Nguồn gốc đất thu hồi:                                      Thừa đất số 12, tờ bản đồ số 193 (thuộc thửa đất số 580, tờ bản đồ 14A xã Xuân Tâm cũ), mục đích sử dụng đất: đất trồng cây hàng năm khác (HNK) và trồng cây lâu năm (CLN) được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 092167 ngày 10/02/1999 cho ông Trần Kim Thành. Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp. Trong phạm vi thu hồi đất có công trình vật kiến trúc xây dựng 2012.

BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

I. ĐẤT DAI: Đơn giá theo Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../2026 của UBND tỉnh Đồng Nai; (Giấy xác nhận nguồn gốc đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi Số 62 ngày 26/4/2026 của UBND xã Xuân Hoà); PLI-847 (30.12) - 25. Xuân Hoà - TT.15										
STT	Số thửa	Số tờ	DVT (m2)	Loại đất	Vị trí	Đơn giá	Số lượng	Tỷ lệ BT, hỗ trợ	Thành tiền	Tình trạng pháp lý; căn cứ quy định bồi thường (255)
1	12	193	m <sup>2</sup>	CLN	1	530.000	223,100	100%	118.243.000	
Tổng đất đai:							223,10		118.243.000	
II. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ: (Giấy xác nhận hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ ổn định đời sống; Hỗ trợ ổn định sản xuất Kinh Doanh; Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm làm việc số 69/UBND-KT ngày 28/4/2026 của UBND xã Xuân Hoà)										Tình trạng pháp lý; căn cứ quy định bồi thường
1	Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm					theo khoản 1 Điều 109 Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Khoản 1, điều 13 QĐ số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025				
	Số thửa	Số tờ	DVT (m2)	Loại đất	Vị trí	Đơn giá	Số lượng	Hỗ trợ so với đơn giá	Thành tiền	Tình trạng pháp lý; căn cứ quy định bồi thường
1	12	193	m <sup>2</sup>	CLN	1	530.000	45,654	1,5	36.294.930	Đơn giá đất theo Nghị quyết 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai
Tổng:							45,654		36.294.930	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống: (tỷ lệ % diện tích đất nông nghiệp thu hồi)					theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Khoản 1 điều 10 QĐ số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025				
	Thu hồi từ 30% - 70%đất NN	Có di chuyển chỗ ở	không di chuyển chỗ ở	Số tháng hỗ trợ	Đơn giá 1kg gạo là 20.000 đồng x 30 kg	Số nhân khẩu	Hỗ trợ so với đơn giá	Thành tiền	Tình trạng pháp lý; căn cứ quy định bồi thường	

	trên 30%		x	6	600.000	1	0,5	1.800.000	
Tổng chính sách hỗ trợ:								38.094.930	
III. NHÀ, VẬT KIẾN TRÚC: xây dựng năm 2012									
STT	Danh mục tài sản		DVT	Đơn giá	Số lượng	Tỷ lệ BT, hỗ trợ	Thành tiền	Tình trạng pháp lý; căn cứ quy định bồi thường	
1	Nhà 01 tầng kết cấu loại 4	Phần thu hồi	đồng/m2 sàn	3.054.000	16,640	100%	50.818.560		
2	Nhà 01 tầng đến 02 tầng kết cấu loại 2	Phần thu hồi	đồng/m2 sàn	6.396.000	140,9660	100%	901.618.536		
3	Đồng hồ điện chính		cái	1.500.000	1	100%	1.500.000		
4	Mái che: mái tôn, khung cột sắt		m2	720.000	16,320	100%	11.750.400		
5	1.Giếng đào thủ công (đất khô đào, có đá) Φ1,1m		mét	420.200	9,00	100%	3.781.800	tính tam suất Giếng đào thủ công (đất khô đào, có đá) Φ1m	
	2.Giếng sâu trên 10 mét thì mét thứ 10 trở đi được tính thêm 50% mức giá trên		mét	630.300	7,00	100%	4.412.100		
6	Di dời bảng hiệu		cái	173.000	2	100%	346.000	áp bằng di dời cổng sắt (rộng 2-5 mét, cao trên 2 mét)	
7	Mái che: mái tôn, khung cột sắt		m2	720.000	5,1200	100%	3.686.400		
8	Nền xi măng dày 5cm		m2	80.000	3,5200	100%	281.600		
9	Nền lát gạch ceramic		m2	202.000	16,3200	100%	3.296.640		
Tổng nhà, vật kiến trúc:							981.492.036		
IV. CÂY TRỒNG									
STT	Tên cây trồng		ĐVT	Đơn giá	Số lượng	Tỷ lệ BT, hỗ trợ	Thành tiền	Tình trạng pháp lý; căn cứ quy định bồi thường	
1	Cây dừa Năm thu hoạch thứ 3		cây	1.387.626	1	100%	1.387.626	trồng ranh	
2	Cây chanh Năm thứ 1		cây	130.977	1	100%	130.977		
3	Cây đu đủ Năm thu hoạch thứ 3		cây	60.467	2	100%	120.934		
4	Cây đu đủ Năm thu hoạch thứ 1		cây	69.467	2	100%	138.934		
5	Cây mít Năm thứ 1		cây	168.775	4	100%	675.100		
6	Họ cây mai trên 15 năm tuổi		cây	256.000	1	100%	256.000		
7	Họ cây mai từ năm thứ 11 đến năm thứ 15		cây	128.500	1	100%	128.500		
8	Họ cây mai từ năm thứ 5 đến năm thứ 10		cây	72.300	2	100%	144.600		
9	Cây phát tài lớn cây cao từ 2m trở lên		cây	50.000	1	100%	50.000		
10	Cây phát tài lớn cây cao từ 2m trở lên		cây	50.000	2	100%	100.000		
	Cây phát tài lớn cây cao từ 1m đến <1.5m		cây	20.000	1	100%	20.000		
11	Hỗ trợ di chuyển chậu kiểng (có trồng cây) bằng sành, xi măng, sắt, nhựa trường hợp dưới 100 chậu/ hộ chậu có đường kính từ 10cm đến <20cm		chậu	13.000	1	100%	13.000		

Tổng cây trồng, hoa màu:	3.165.671	
V. THUỐNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ ĐẤT THU HỒI BÀN GIAO MẶT BẰNG TRƯỚC THỜI HẠN	20.000.000	Khoản 4, điều 5 QĐ số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025
TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V):	1.160.995.637	

VỊ TRÍ, DIỆN TÍCH, TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHI GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ, GIÁ BÁN NHÀ Ở TÁI ĐỊNH CƯ CHO NGƯỜI ĐƯỢC BỎ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ HOẶC GIAO ĐẤT KHÁC CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN (NẾU CÓ): Không có

KHOẢN TIỀN CHƯA THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI TRỪ VÀO TIỀN BÔI THƯỜNG ĐẤT (NẾU CÓ): Xác định tại thời điểm chi trả tiền bồi thường trên cơ sở thông tin về nghĩa vụ tài chính do Thuế cơ sở 1 Tỉnh Đồng Nai xác định.

TỔNG SỐ TIỀN BÔI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT PHẢI NỘP VÀO SỐ TIỀN ĐƯỢC BÔI THƯỜNG VỀ ĐẤT (NẾU CÓ): 1.160.995.637 đồng

SỐ TIỀN ĐƯỢC GHI NỢ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHI ĐƯỢC GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ (NẾU CÓ): Không có

